

Số: /KL- SNN

Kon Tum, ngày tháng năm

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về Lâm nghiệp
tại Công ty TNHH MTV InnovGreen trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Thực hiện Quyết định số 397/QĐ-SNN, ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thanh tra chấp hành pháp luật chuyên ngành về lâm nghiệp tại Công ty TNHH MTV InnovGreen trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Từ ngày 27/7/2022 đến ngày 22/8/2022, Đoàn tiến hành thanh tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về Lâm nghiệp tại Công ty TNHH MTV InnovGreen trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 04/BC-ĐTT-QĐ397, ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Trưởng Đoàn thanh tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về Lâm nghiệp tại Công ty TNHH MTV InnovGreen trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Kết luận như sau:

Phần thứ nhất
KHÁI QUÁT CHUNG

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum;

Giấy chứng nhận đầu tư: số 381043000001 do UBND tỉnh Kon Tum cấp ngày 10 tháng 3 năm 2008; thay đổi lần thứ 01 ngày 14 tháng 10 năm 2010.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Ươm giồng cây lâm nghiệp; trồng rừng; khai thác gỗ; chế biến gỗ rừng trồng và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn ghế); sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; chế biến bột giấy, giấy và bìa, hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 86/1 Trần Hưng Đạo, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Văn phòng giao dịch: Số 72 Ba Đình, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Số điện thoại: 02603.913.134.

Vốn điều lệ: 1.072.000.000.000 đồng (Một nghìn không trăm bảy mươi hai tỷ đồng), tương đương 67.000.000 USD (Sáu mươi bảy triệu đô la Mỹ).

Đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị Hà Huyền - Chức vụ: Giám đốc Dự án.

Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm (*năm mươi năm*), kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Phần thứ hai KẾT QUẢ THANH TRA

A. KIỂM TRA HỒ SƠ

Kết quả thanh tra, đối chiếu, xác nhận số liệu hồ sơ, sổ sách thuộc niên độ từ 01/01/2021 đến 31/6/2022 tại Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum, cụ thể:

I. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty TNHH MTV: số 6100255154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/3/2008.

Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 1428/21 ngày 28/4/2021.

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 6100255154.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh: buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tét bện; sản xuất đồ gỗ xây dựng; nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; trồng cây gia vị, cây dược liệu; khai thác gỗ (*chi tiết: khai thác gỗ rừng trồng*); bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (*trừ gỗ, tre, nứa*) và động vật sống; sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (*chi tiết: sản xuất gỗ nguyên liệu giấy*); trồng cây ăn quả; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; trồng rừng và chăm sóc rừng (*chi tiết: sản xuất uơm giống cây lâm nghiệp và kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp*); sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu (*chi tiết: sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất từ tiêu rừng*); đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định ngành, lĩnh vực và phù hợp với quy hoạch của địa phương.

II. Các Quyết định được UBND tỉnh thu hồi đất và cho Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum thuê đất:

1. Tại thôn 1, Xã Tân Cảnh, huyện Đăk Tô:

- Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 22/5/2009 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi và cho Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum thuê đất để trồng rừng nguyên liệu. Diện tích 76.325 m² (*Bảy mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi lăm mét vuông*). Hiện trạng đất: Đất vườn uơm cũ do UBND huyện Đăk Tô quản lý; thời hạn thuê đất: 20 năm (*từ tháng 22/5/2009 đến tháng 22/5/2029*).

- Hợp đồng thuê đất số 23HĐ/TĐ ngày 30/6/2009 của UBND tỉnh Kon Tum và Công ty InnovGreen Kon Tum. Diện tích 76.325 m² (*Bảy mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi lăm mét vuông*), để sử dụng vào mục đích xây dựng vườn uơm

giống. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

+ Giá thuê đất 01 năm trong thời gian đơn giá ổn định: 858.656,25 đồng/năm (*Tám trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm năm mươi sáu phẩy hai mươi lăm đồng trên năm*). Tiền thuê đất phải nộp năm 2009 (tính từ tháng 6/2009 - 12/2009): 500.882,812 đồng (*Năm trăm nghìn, tám trăm tám mươi hai phẩy tám trăm mười hai đồng*).

+ Tiền thuê đất tính từ tháng 6/2009.

+ Thời gian được miễn tiền thuê đất (*năm*): Từ tháng 6/2009 đến tháng 5/2024 (theo Thông báo số 1809/TB-CT ngày 10/6/2009 của Cục thuế tỉnh Kon Tum).

+ Phương thức nộp tiền thuê đất: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

+ Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước tỉnh Kon Tum.

2. Tại xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông:

- Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 27/8/2009 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi và cho Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum thuê đất để trồng rừng nguyên liệu. Diện tích 536,65ha (*Năm trăm ba mươi sáu phẩy sáu mươi lăm hecta*). Hiện trạng đất: Đất lâm nghiệp trạng thái 1B+le do UBND xã Đăk Hà quản lý; thời hạn thuê đất: 50 năm (*đến tháng 8/2059*).

- Hợp đồng thuê đất số 56/HĐTĐ ngày 17/12/2009 của UBND tỉnh Kon Tum và Công ty InnovGreen Kon Tum. Diện tích 536,65ha (*Năm trăm ba mươi sáu phẩy sáu mươi lăm hecta*), để sử dụng vào mục đích trồng rừng nguyên liệu. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

+ Số tiền thuê đất 01 năm trong thời gian đơn giá ổn định: 24.149.250 đồng/năm (*Hai mươi bốn triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi đồng trên năm*). Tiền thuê đất phải nộp năm 2009 (tính từ tháng 9/2009 - 12/2009): 8.049.750 đồng (*Tám triệu không trăm bốn mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*).

+ Tiền thuê đất tính từ tháng 9/2009.

+ Phương thức nộp tiền thuê đất: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

+ Hình thức thuê đất: Thuê đất trả tiền hàng năm.

+ Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước tỉnh Kon Tum.

+ Thời gian miễn tiền thuê đất: Toàn bộ thời gian thuê đất tại quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 27/8/2009 của UBND tỉnh Kon Tum (theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 3490/TB-CT ngày 16/10/2009 của Cục thuế tỉnh Kon Tum).

3. Tại xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy:

- Quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi và cho Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum thuê đất để trồng rừng nguyên liệu. Diện tích 33,1ha (*Ba mươi ba phẩy một hecta*). Hiện trạng đất: Đất Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum đã trồng rừng; thời hạn thuê đất: 50 năm (*đến tháng 3/2058*).

- Hợp đồng thuê đất số 62/HĐTĐ ngày 25/12/2009 của UBND tỉnh Kon Tum và Công ty InnovGreen Kon Tum. Diện tích 33,1ha (*Ba mươi ba phẩy một*

hecta), để sử dụng vào mục đích trồng rừng nguyên liệu. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

+ Số tiền thuê đất 01 năm trong thời gian đơn giá ổn định: 2.230.940 đồng/năm (*Hai triệu, hai trăm ba mươi nghìn, chín trăm bốn mươi đồng trên năm*). Tiền thuê đất phải nộp năm 2009 (*tính từ tháng 11/2009 đến 12/2009*): 371.823 đồng (*Ba trăm bảy mươi một nghìn, tám trăm hai mươi ba đồng*).

+ Tiền thuê đất tính từ tháng 11/2009.

+ Phương thức nộp tiền thuê đất: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

+ Hình thức thuê đất: Thuê đất trả tiền hàng năm.

+ Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước tỉnh Kon Tum.

+ Thời gian miễn tiền thuê đất: Toàn bộ thời gian thuê đất tại quyết định số 1317/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của UBND tỉnh Kon Tum (theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 4149/TB-CT ngày 18/12/2009 của Cục thuế tỉnh Kon Tum).

4. Tại xã Sa Nghĩa, huyện Sa Thầy:

- Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi và cho Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum thuê đất để trồng rừng nguyên liệu. Diện tích 114,4ha (*Một trăm mười bốn phẩy bốn hecta*). Hiện trạng đất: Đất Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum đã trồng rừng; thời hạn thuê đất: 50 năm (*đến tháng 3/2058*).

- Hợp đồng thuê đất số 58/HĐTĐ ngày 17/12/2009 của UBND tỉnh Kon Tum và Công ty InnovGreen Kon Tum. Diện tích 114,4ha (*Một trăm mười bốn phẩy bốn hecta*), để sử dụng vào mục đích trồng rừng nguyên liệu. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

+ Số tiền thuê đất 01 năm trong thời gian đơn giá ổn định: 7.710.560 đồng/năm (*Bảy triệu, bảy trăm mười nghìn, năm trăm sáu mươi đồng trên năm*). Tiền thuê đất phải nộp năm 2009 (*tính từ tháng 9/2009 đến 12/2009*): 1.285.093 đồng (*Một triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, không trăm chín mươi ba đồng*).

+ Tiền thuê đất tính từ tháng 9/2009.

+ Phương thức nộp tiền thuê đất: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

+ Hình thức thuê đất: Thuê đất trả tiền hàng năm.

+ Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước tỉnh Kon Tum.

+ Thời gian miễn tiền thuê đất: Toàn bộ thời gian thuê đất tại quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của UBND tỉnh Kon Tum (theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 3918/TB-CT ngày 27/11/2009 của Cục thuế tỉnh Kon Tum).

5. Tại xã Văn Lem, huyện Đăk Tô:

- Quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi và cho Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum thuê đất để trồng rừng nguyên liệu. Diện tích 45,8ha (*Bốn mươi lăm phẩy tám hecta*). Hiện trạng đất: Đất rừng trạng thái Le + Ic do UBND xã Văn Lem quản lý; thời hạn thuê đất: 50 năm (*đến tháng 3/2058*).

- Hợp đồng thuê đất số 54/HĐTD ngày 17/12/2009 của UBND tỉnh Kon Tum và Công ty InnovGreen Kon Tum. Diện tích 45,8ha (*Bốn mươi lăm phẩy tám hecta*), để sử dụng vào mục đích trồng rừng nguyên liệu. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

+ Số tiền thuê đất 01 năm trong thời gian đơn giá ổn định: 2.290.000 đồng/năm (*Hai triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng trên năm*). Tiền thuê đất phải nộp năm 2009 (*tính từ tháng 9/2009 đến 12/2009*): 381.667 đồng (*Ba trăm tám mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*).

+ Tiền thuê đất tính từ tháng 9/2009.

+ Phương thức nộp tiền thuê đất: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

+ Hình thức thuê đất: Thuê đất trả tiền hàng năm.

+ Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước tỉnh Kon Tum.

+ Thời gian miễn tiền thuê đất: Toàn bộ thời gian thuê đất tại quyết định số 1319/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của UBND tỉnh Kon Tum (theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 3919/TB-CT ngày 27/11/2009 của Cục thuế tỉnh Kon Tum).

6. Tại xã Ya Tăng, huyện Sa Thầy:

- Quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi và cho Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum thuê đất trồng rừng nguyên liệu. Diện tích 375,4ha (*Ba trăm bảy mươi lăm phẩy bốn hecta*). Hiện trạng đất: Đất Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum đã trồng rừng; thời hạn thuê đất: 50 năm (*đến tháng 3/2058*).

- Hợp đồng thuê đất số 52/HĐTD ngày 17/12/2009 của UBND tỉnh Kon Tum và Công ty InnovGreen Kon Tum. Diện tích 375,4ha (*Ba trăm bảy mươi lăm phẩy bốn hecta*), để sử dụng vào mục đích trồng rừng nguyên liệu. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

+ Số tiền thuê đất 01 năm trong thời gian đơn giá ổn định: 25.301.960 đồng/năm (*Hai mươi lăm triệu, ba trăm lẻ một nghìn, chín trăm sáu mươi đồng trên năm*). Tiền thuê đất phải nộp năm 2009 (*tính từ tháng 9/2009 đến 12/2009*): 4.216.993 đồng (*Bốn triệu, hai trăm mười sáu nghìn, chín trăm chín mươi ba đồng*).

+ Tiền thuê đất tính từ tháng 9/2009.

+ Phương thức nộp tiền thuê đất: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

+ Hình thức thuê đất: Thuê đất trả tiền hàng năm.

+ Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước tỉnh Kon Tum.

+ Thời gian miễn tiền thuê đất: Toàn bộ thời gian thuê đất tại quyết định số 1321/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của UBND tỉnh Kon Tum (*theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 3921/TB-CT ngày 27/11/2009 của Cục thuế tỉnh Kon Tum*).

7. Tại thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô:

- Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 28/10/2009 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi và cho Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum thuê đất để trồng rừng nguyên liệu. Diện tích 102,9ha (*Một trăm lẻ hai phẩy chín hecta*).

Hiện trạng đất: Đất rừng trạng thái Le + Ic do UBND thị trấn Đăk Tô quản lý; thời hạn thuê đất: 50 năm (đến tháng 3/2058).

- Hợp đồng thuê đất số 53/HĐTĐ ngày 17/12/2009 của UBND tỉnh Kon Tum và Công ty InnovGreen Kon Tum. Diện tích 102,9ha (Một trăm lẻ hai phẩy chín hecta), để sử dụng vào mục đích trồng rừng nguyên liệu. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

+ Số tiền thuê đất 01 năm trong thời gian đơn giá ổn định: 16.978.500 đồng/năm (Mười sáu triệu, chín trăm bảy mươi tám nghìn, năm trăm đồng trên năm). Tiền thuê đất phải nộp năm 2009 (tính từ tháng 9/2009 đến 12/2009): 2.829.750 đồng (Hai triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

+ Tiền thuê đất tính từ tháng 9/2009.

+ Phương thức nộp tiền thuê đất: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

+ Hình thức thuê đất: Thuê đất trả tiền hàng năm.

+ Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước tỉnh Kon Tum.

+ Thời gian miễn tiền thuê đất: Toàn bộ thời gian thuê đất tại quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2009 của UBND tỉnh Kon Tum (theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 3920/TB-CT ngày 27/11/2009 của Cục thuế tỉnh Kon Tum).

+ Biên bản giao đất thực địa vào lúc 13h30 ngày 02/12/2009 về việc bàn giao đất ngoài thực địa theo Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 28/10/2009 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi và cho Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum thuê đất để trồng rừng nguyên liệu. Diện tích 102,9ha (Một trăm lẻ hai phẩy chín hecta). Hiện trạng đất: Đất rừng trạng thái Le + Ic do UBND thị trấn Đăk Tô quản lý; thời hạn thuê đất: 50 năm (đến tháng 3/2058).

8. Tại xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà:

- Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 28/10/2009 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi và cho Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum thuê đất để trồng rừng nguyên liệu. Diện tích 535,5ha (Năm trăm ba mươi lăm phẩy năm hecta). Hiện trạng đất: Đất rừng trạng thái Le + Ia + Ib + Ic do UBND xã Đăk Pxi quản lý; thời hạn thuê đất: 50 năm (đến tháng 3/2058).

- Hợp đồng thuê đất số 57/HĐTĐ ngày 17/12/2009 của UBND tỉnh Kon Tum và Công ty InnovGreen Kon Tum. Diện tích 535,5ha (Năm trăm ba mươi lăm phẩy năm hecta), để sử dụng vào mục đích trồng rừng nguyên liệu. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

+ Số tiền thuê đất 01 năm trong thời gian đơn giá ổn định: 33.468.750 đồng/năm (Ba mươi ba triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng trên năm). Tiền thuê đất phải nộp năm 2009 (tính từ tháng 9/2009 đến 12/2009): 5.578.125 đồng (Năm triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng).

+ Tiền thuê đất tính từ tháng 9/2009.

- + Phương thức nộp tiền thuê đất: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- + Hình thức thuê đất: Thuê đất trả tiền hàng năm.
- + Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước tỉnh Kon Tum.
- + Thời gian miễn tiền thuê đất: Toàn bộ thời gian thuê đất tại quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 28/10/2009 của UBND tỉnh Kon Tum (theo Thông báo nộp tiền thuê đất số 3917/TB-CT ngày 27/11/2009 của Cục thuế tỉnh Kon Tum).

III. Kiểm tra hồ sơ phục vụ công tác QLBR, PCCCR, SDR, PTR

1. Công tác Quản lý, bảo vệ rừng:

Đối với diện tích trồng qua các năm và trồng trong giai đoạn 2021 đến nay (giai đoạn đầu tư cơ bản); Đơn vị đã thành lập 13 Tổ/đội Bảo vệ rừng với số lượng 11 người/Tổ và ngoài ra Công ty hợp đồng 16 nhân viên làm nhiệm vụ Quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng trên diện tích lâm phần rừng trồng qua các năm đã khép tán, thành rừng và rừng trồng trong mùa vụ 2021 và 2022.

2. Công tác Phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô 2021-2022:

Đơn vị đã xây dựng Phương án Phòng cháy, chữa cháy rừng trên lâm phần rừng trồng 04 huyện; Gồm: Sa Thầy, Đăk Hà, Đăk Tô, Tu Mơ Rông; Thành lập các Ban trực chỉ huy PCCCR trong mùa khô hàng năm.

3. Công tác đầu tư cho hoạt động trồng rừng, phát triển rừng:

Việc thực hiện mua bán giống cây lâm nghiệp để đầu tư cho công tác trồng rừng được thực hiện qua các hồ sơ sau:

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/2022/HĐMBHH/IGQNI-IGKT, ngày 27/6/2022 về việc mua bán cây Bạch đàn giống giữa Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum và Công ty TNHH MTV InnovGreen Quảng Ninh, với số lượng 58.000 cây; kèm theo hóa đơn giá trị gia tăng số 00000003, ngày 02/7/2022, kèm theo Quyết định số 105/QĐ-TCLN-PTR, ngày 18/4/2022 của Tổng cục Lâm nghiệp về việc công nhận giống cây trồng lâm nghiệp, hợp đồng mua bán bình cây giống số 59/2022/HĐ-Cty, ngày 10/5/2022 giữa Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ khoa học Thái Dương và Viện nghiên cứu giống và công nghệ sinh học Lâm nghiệp; Hợp đồng mua bán hàng hóa số 89/2021/IIDMB-IGQNI, ngày 10/11/2021 giữa Công ty TNHH MTV InnovGreen Quảng Ninh và Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ khoa học Thái Dương, kèm theo hóa đơn giá trị gia tăng số 00000007, ngày 17/8/2022.

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 02/2022/HĐMBHH/IGKTU-NĐB, ngày 08/4/2022 về việc mua bán bầu sò cây giống Hồng giữa Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum và Công ty TNHH giống cây trồng Đức Bấy EAKMAT, với số lượng 250 bầu; kèm theo hóa đơn trị giá tăng số 00000010, ngày 27/5/2022.

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 03/2022/HĐMBHH/IGKTU-NĐB, ngày 16/4/2022 về việc mua bán bầu sò cây giống Hồng giữa Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum và Công ty TNHH giống cây trồng Đức Bấy EAKMAT; với số lượng 250 bầu; kèm theo hóa đơn trị giá tăng số 00000004, ngày 05/7/2022.

- Hợp đồng mua bán hàng hóa số 04/2021/HĐMBHH/IGKTU-VT, ngày 07/6/2021 về việc mua bán cây giống Hồng giữa Công ty TNHH MTV InnovGreen

Kon Tum và Cơ sở mua bán cây giống Văn The, với số lượng 20.000 cây; kèm theo hóa đơn bán hàng số 0045738, ngày 05/7/2021.

4. Công tác trồng rừng

4.1. Hồ sơ, thủ tục thực hiện trong năm 2021:

- Hợp đồng thầu khoán trồng rừng với bên B (có 53 hợp đồng); hợp đồng gồm có: Đơn nhận bao khoán công đoạn; Bảng công đoạn tác nghiệp và yêu cầu kỹ thuật trồng rừng (*Chuẩn bị hiện trường, mở đường nhánh, phát dọn thực bì, sử dụng thuốc diệt cỏ hóa học, đào hố, làm đất bằng máy, bón lót, trồng cây, quản lý bảo vệ*); điểm khâu trừ tác nghiệp trồng rừng; phương pháp nghiệm thu chất lượng tác nghiệp trồng rừng và thanh quyết toán; bản đồ thiết kế trồng rừng; dự toán trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng năm thứ nhất rừng trồng năm 2021.

- Biên bản thanh lý Hợp đồng thầu khoán trồng rừng bên B (53 biên bản); hợp đồng gồm có: biên bản nghiệm thu công đoạn; biểu ghi chép ô mẫu; bản đồ đo GPS của Công ty công đoạn thi công: xử lý thực bì.

- Kết quả thực hiện:

+ Diện tích đã trồng 145,91ha; (*Trong đó: Đắk Hà: 71,15ha loài cây Hồng và Tiêu rừng; Đắk Tô: 14,07ha loài Hồng và Tiêu rừng; Tu Mơ Rông: 55,69ha loài cây Hồng và Tiêu rừng; Sa Thầy: 05ha loài cây Bạch đàn*).

+ Hợp đồng thầu khoán chăm sóc rừng với bên B (có 118 hợp đồng); hợp đồng gồm có: Đơn nhận khoán công đoạn; công đoạn tác nghiệp chăm sóc rừng và yêu cầu kỹ thuật (*làm đường băng cản lửa, làm cỏ, bón thúc, tía chồi, vun gốc, phương pháp nghiệm thu chất lượng tác nghiệp chăm sóc và thanh quyết toán, định mức dự toán làm đường băng cản lửa rừng trồng, bản đồ đường băng PCCCR của Công ty*).

+ Biên bản thanh lý Hợp đồng thầu khoán chăm sóc rừng với bên B (118 biên bản) số E0A4B0RC101 đến E0A4B0RC1118; hợp đồng gồm có: biên bản nghiệm thu công đoạn; biểu ghi chép nghiệm thu; bản đồ nghiệm thu đo GPS của Công ty công đoạn thi công: làm đường băng cản lửa.

4.2. Hồ sơ, thủ tục thực hiện trong 06 tháng đầu năm 2022:

- Hợp đồng thầu khoán trồng rừng với bên B (có 87 hợp đồng); hợp đồng gồm có: đơn nhận bao khoán công đoạn (*đào hố, diệt cỏ bằng thuốc hóa học lần 1 và lần 2, lấp đất trồng cây*); bảng công đoạn tác nghiệp và yêu cầu kỹ thuật trồng rừng (*mở đường nhánh, phát dọn thực bì, sử dụng thuốc diệt cỏ hóa học, đào hố, làm đất bằng máy, bón lót, trồng cây, quản lý bảo vệ*); điểm khâu trừ tác nghiệp trồng rừng; phương pháp nghiệm thu chất lượng tác nghiệp trồng rừng và thanh quyết toán; bản đồ thiết kế trồng rừng; dự toán trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng năm thứ nhất rừng trồng năm 2022.

- Biên bản và thông báo thanh lý Hợp đồng thầu khoán trồng rừng với bên B (có 87 biên bản/thông báo); hợp đồng, thông báo gồm có: biên bản nghiệm thu công đoạn; biểu ghi chép ô mẫu; bản đồ đo GPS của Công ty công đoạn thi công: xử lý thực bì.

- Kết quả thực hiện:

+ Công ty đã và đang thi công trồng rừng với diện tích 192ha; trong đó: Đắk Hà: 65,7ha Hồng và Tiêu rừng; Đắk Tô: 11,14ha Hồng và Tiêu rừng; Tu Mơ Rông: 96,48ha Hồng và Tiêu rừng; Sa Thầy: 18,8ha Bạch đàn.

+ Hợp đồng thầu khoán chăm sóc rừng với bên B (có 32 hợp đồng); hợp đồng gồm có: Đơn nhận khoán công đoạn; công đoạn tác nghiệp chăm sóc rừng và yêu cầu kỹ thuật (*làm đường băng cản lửa, làm cỏ, bón thúc, tỉa chồi, vun gốc, phương pháp nghiệm thu chất lượng tác nghiệp chăm sóc và thanh quyết toán, định mức dự toán làm đường băng cản lửa rừng trồng, bản đồ đường băng PCCCR của Công ty*).

+ Biên bản thanh lý và thông báo Hợp đồng thầu khoán chăm sóc rừng với bên B (32 biên bản/thông báo); hợp đồng gồm có: biên bản nghiệm thu công đoạn; biểu ghi chép nghiệm thu; bản đồ nghiệm thu đo thiết bị GPS của Công ty công đoạn thi công: làm đường băng cản lửa.

5. Công tác kiểm kê rừng và theo dõi diễn biến:

Công ty thường xuyên phối hợp với Hạt Kiểm lâm các huyện để theo dõi kịp thời cập nhật diễn biến rừng hàng năm của công ty để làm cơ sở xác định diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng (*Hàng năm Công ty có báo cáo kết quả về biến động tăng, giảm diện tích rừng đến Hạt Kiểm lâm các huyện*).

6. Hồ sơ cung ứng dịch vụ môi trường rừng (DVMTR):

- Trong năm 2021: Đơn vị đã xây dựng Hồ sơ cung ứng dịch vụ môi trường rừng; Hồ sơ gồm có (*bản cam kết diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng năm 2021 của Công ty; biên bản kiểm tra, xác minh diện tích cung ứng DVMTR năm 2021 của liên ngành Quỹ bảo vệ và phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm và Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum; bản đồ chi trả DVMTR của Công ty tại 03 huyện; Gồm: Sa Thầy, Đắk Hà, Đắk Tô*) với diện tích 271,42 ha; số tiền 165.177.002 đồng (*một trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm không hai đồng*).

- Theo Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thu, chi tiền chi tiền dịch vụ môi trường rừng tỉnh Kon Tum năm 2021 và Thông báo số 162/TB-QBVPTR ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Kon Tum về việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2021 cho Công ty TNHH MTV InnovGreen. Số tiền: 165.177.002 đồng (*một trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm không hai đồng*).

- Nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng: toàn bộ số tiền dịch vụ môi trường rừng nhận được là nguồn thu của doanh nghiệp, được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về tài chính đối với doanh nghiệp theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

7. Công tác giao khoán, quản lý, bảo vệ rừng:

Đơn vị tự tổ chức quản lý, bảo vệ với diện tích 950 ha có cây trồng.

8. Công tác chăm sóc rừng mới trồng:

Trong năm 2021, Công ty trồng được 145,91ha; 6 tháng đầu năm 2022 Công ty đã và đang thi công trồng rừng được 192 ha; đối với toàn bộ diện tích này Công ty tự tổ chức chăm sóc.

9. Tình hình vi phạm có liên quan đến lĩnh vực Lâm nghiệp:

Trong năm 2021, Công ty đã phát hiện 6 vụ phá hoại cây trồng (Tài sản của Công ty) chủ yếu tập trung ở khu vực lâm phần thôn Kon Pia, huyện Tu Mơ Rông và huyện Sa Thầy. Tất cả vụ việc đều được Công ty trình báo kịp thời đến các cơ quan chuyên môn để điều tra xử lý. Trong đó, đáng chú ý là trường hợp 01 doanh nghiệp hoạt động tại huyện Sa Thầy đã thực hiện hành vi lấn chiếm và phá hoại cây trồng của Công ty được cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

B. KIỂM TRA, XÁC MINH THỰC TẾ

1. Công tác trồng rừng và chăm sóc rừng:

- Năm 2021: Theo báo cáo của Công ty; Diện tích đã trồng 145,91ha; (*trong đó: Đắk Hà: 71,15ha loài cây Hồng và Tiêu rừng; Đắk Tô: 14,07ha loài Hồng và Tiêu rừng; Tu Mơ Rông: 55,69ha loài cây Hồng và Tiêu rừng; Sa Thầy: 05ha loài cây Bạch đàn*).

* Đoàn tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên tại các lô E0A8A52C101 rừng trồng năm 2021 thuộc khoảnh 5, tiểu khu 629 địa giới hành chính xã Ya Tăng, huyện Sa Thầy, kết quả thu được như sau:

+ Diện tích trồng: 05 ha.

+ Mật độ cây trồng theo hồ sơ thiết kế: 1.666 cây/ha; Mật độ cây sống tại thời điểm kiểm tra: khoảng 1.600 cây/ha (*đạt 96%*).

+ Loài cây trồng: Bạch đàn.

+ Mức độ sinh trưởng cây sống tại thời điểm kiểm tra: Bình thường.

Tại thời điểm kiểm tra, đơn vị đã tiến hành chăm sóc rừng trồng theo đúng hồ sơ thiết kế và yêu cầu kỹ thuật trong lâm sinh.

* Đoàn tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên tại các lô C101, C101A rừng trồng năm 2021 thuộc khoảnh 2, tiểu khu 273 địa giới hành chính xã Đắk Hà, huyện Tu Mơ Rông; kết quả thu được như sau:

+ Diện tích trồng: 3,1 ha.

+ Mật độ cây trồng theo hồ sơ thiết kế: 1.200 cây/ha; Mật độ cây sống tại thời điểm kiểm tra: khoảng 1.150 cây/ha (*đạt 95,8 %*).

+ Loài cây trồng: Hồng và Tiêu rừng.

+ Mức độ sinh trưởng: Tốt.

Tại thời điểm kiểm tra, đơn vị đã tiến hành chăm sóc rừng trồng theo đúng hồ sơ thiết kế và yêu cầu kỹ thuật trong lâm sinh.

- Năm 2022: Theo báo cáo của Công ty; 6 tháng đầu năm 2022 Công ty đã và đang thi công trồng rừng với diện tích 192ha; (*trong đó: Đắk Hà: 65,7ha Hồng và Tiêu rừng; Đắk Tô: 11,14ha Hồng và Tiêu rừng; Tu Mơ Rông: 96,48ha Hồng và Tiêu rừng; Sa Thầy: 18,8ha Bạch đàn*).

* Đoàn tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên tại các lô C202, rừng trồng năm 2022 thuộc khoảnh 1, tiểu khu 297 địa giới hành chính xã thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô; lô C243, C244, khoảnh 3, tiểu khu 273 địa giới hành chính xã Đắk Hà, huyện Tu Mơ Rông; kết quả thu được như sau:

- + Diện tích trồng: 19,41 ha.
- + Mật độ cây trồng tại thời kiểm tra: 1.200 cây/ha.
- + Loài cây trồng: Hồng và Tiêu rừng.
- + Mức độ sinh trưởng: Bình thường.

Tại thời điểm kiểm tra, diện tích, loài cây, mật độ trồng đảm bảo về kỹ thuật lâm sinh và số lượng cây trồng sống giữa hồ sơ và thực địa.

2. Công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng:

Tổng diện tích đơn vị tự tổ chức quản lý, bảo vệ và triển khai công tác PCCCR trong mùa khô 2021-2022 là 950 ha có cây trồng trên địa bàn 04 huyện Tu Mơ Rông, Đắk Tô, Đắk Hà và Sa Thầy *(Theo các Phương án được phê duyệt)*.

2.1. Công tác xây dựng các công trình QL BVR, PCCCR

- Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum có Văn phòng đại diện tại các huyện có diện tích trồng rừng đã hết thời gian đầu tư cơ bản, đưa vào diện tích quản lý, bảo vệ và PCCCR, cũng là nơi làm việc và trực chỉ huy PCCCR của Công ty trên địa bàn từng huyện.

- Đã xây dựng hệ thống đường băng cản lửa: hiện có 26,5km đường băng trắng cản lửa tại các khu vực có rừng trồng.

- Chòi canh lửa: 8 chòi tạm thời.
- Bảng tuyên truyền cố định: 7 cái.
- Bảng cấp dự báo cháy rừng: 7 cái.
- Bảng quy ước bảo vệ rừng: 7 cái.
- Biển tam giác cấm lửa: 75 cái.

2.2. Phương tiện, dụng cụ, thiết bị BVR, PCCCR

Theo Phương án PCCCR của đơn vị đã được phê duyệt; gồm 544 phương tiện, công cụ, dụng cụ, cụ thể: cưa xăng, máy phát cỏ 36 cái; dao, cào, xẻng, bàn đập 410 cái; bình bơm đeo vai 120 cái; bình bơm hóa chất 10 cái; các loại khác 20 cái *(theo báo cáo của Công ty toàn bộ phương tiện, công cụ, dụng cụ PCCCR đang được tập kết, bảo quản ở các kho, bãi của Công ty; đến mùa khô đơn vị đưa vào sử dụng khi có cháy rừng xảy ra)*.

2.3. Kiểm tra thực tế ngoài hiện trường

Đoàn tiến hành kiểm tra thực tế ngoài hiện trường diện tích trồng Bạch đàn tại khoảnh 1, tiểu khu 297 rừng trồng năm 2010; khoảnh 6, tiểu khu 296 diện tích trồng Tiêu rừng và Hồng rừng trồng năm 2021 thuộc địa giới hành chính thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô; khoảnh 2, tiểu khu 273 diện tích trồng Bạch đàn rừng trồng năm 2010 địa giới hành chính xã Đắk Hà, huyện Tu Mơ Rông lâm phần của Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum quản lý. Kết quả như sau:

- Tại khu vực rừng kiểm tra có hệ thống đường băng cản lửa (*đường băng trắng*) bao quanh diện tích rừng trồng (*đường băng cách lô, đường băng cách khu vực sản xuất nương rẫy*); Công ty đã phát dọn thực bì dưới tán rừng trồng đảm bảo cho việc phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Đối với rừng trồng hết thời gian đầu tư cơ bản, được đưa vào quản lý, bảo vệ tại huyện Đăk Tô, tại thời điểm kiểm tra chưa có hệ thống băng biển cảnh báo phòng cháy, cấp dự báo, bản quy ước BVR, chòi canh lửa tạm thời, bảng tuyên truyền cố định theo Phương án PCCCR mùa khô 2021 - 2022 được phê duyệt (*theo báo cáo của đơn vị thì trong thời gian qua do người dân địa phương phá và lấy cắp; tuy nhiên Tổ/Đội thực hiện nhiệm vụ tại hiện trường trồng rừng không tiến hành lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xử lý*).

- Đối với rừng trồng hết thời gian đầu tư cơ bản, được đưa vào quản lý, bảo vệ tại huyện Tu Mơ Rông, tại thời điểm kiểm tra có chòi canh lửa tạm thời; tuy nhiên không có hệ thống băng, biển cảnh báo phòng cháy, bản quy ước BVR, bảng tuyên truyền cố định.

Phần thứ ba **KẾT LUẬN**

Trên cơ sở những tài liệu do đối tượng thanh tra cung cấp và những tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình thanh tra; Đồng thời kiểm tra, xác minh thực tế. Đoàn thanh tra kết luận:

I. Ưu điểm:

1. Về lĩnh vực hồ sơ phục vụ công tác QL BVR, PCCCR, SDR, PTR

1.1. Công tác Quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô 2021-2022:

Đơn vị đã xây dựng Phương án Phòng cháy, chữa cháy rừng đúng theo hướng dẫn tại Điều 45 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT, ngày 24 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.

1.2. Công tác đầu tư cho hoạt động trồng rừng, phát triển rừng:

Việc thực hiện mua bán giống cây lâm nghiệp đảm bảo thực hiện đúng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 18 Nghị định số 27/2021/NĐ-CP, ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

1.3. Công tác trồng rừng:

Việc xây dựng hợp đồng khoán trồng rừng trong đó có yêu cầu kỹ thuật, dự toán chi phí đầu tư xây dựng trồng rừng đã thực hiện đúng theo quy định tại Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN, ngày 6 tháng 7 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng; Công văn số 19/CCKL-SDPTR, ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Kiểm lâm về việc hướng dẫn kỹ thuật trồng

rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Đồng thời, trong hồ sơ thể hiện được các biện pháp chăm sóc rừng sau khi trồng theo hướng dẫn tại Điều 13 Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT, ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh.

1.4. Công tác kiểm kê rừng và theo dõi diễn biến:

Việc cập nhật theo dõi diễn biến rừng hàng năm của Công ty đảm bảo thực hiện đúng theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT, ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.

1.5. Hồ sơ cung ứng dịch vụ môi trường rừng (DVMTR):

Việc xây dựng Hồ sơ cung ứng dịch vụ môi trường rừng và chi trả tiền DVMTR Công ty thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Đồng thời, toàn bộ số tiền dịch vụ môi trường rừng nhận được là nguồn thu của doanh nghiệp, Công ty đã quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về tài chính đối với doanh nghiệp theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

2. Về Kiểm tra, xác minh hiện trường thực hiện việc trồng rừng, chăm sóc rừng và phòng cháy chữa cháy rừng

2.1. Công tác trồng rừng:

- Về nguồn gốc giống cây trồng: Đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 27/2021/NĐ-CP, ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

- Vị trí trồng rừng; xử lý thực bì trước khi trồng; quy trình, kỹ thuật trồng rừng: Đảm bảo theo hồ sơ, hợp đồng thầu khoán trồng rừng.

- Đối với rừng trồng năm 2021 tại các khu vực kiểm tra thực tế mật độ cây sống đảm bảo theo hồ sơ nghiệm thu kết quả trồng rừng của đơn vị.

- Đối với rừng trồng năm 2022 tại các khu vực kiểm tra thực tế về diện tích, loài cây, mật độ trồng đảm bảo về kỹ thuật lâm sinh và số lượng cây trồng sống giữa hồ sơ và thực địa.

2.2. Công tác chăm sóc rừng trồng:

Công tác chăm sóc rừng trồng năm 2021 tại các khu vực kiểm tra thực tế, tại thời điểm kiểm tra, đơn vị đã tiến hành chăm sóc rừng trồng theo đúng hồ sơ thiết kế.

2.3. Công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng:

- Đơn vị đã triển khai thực hiện có hiệu quả công tác BVR&PCCCR theo Phương án đã được đơn vị phê duyệt.

- Đơn vị đã chủ động phối hợp với KLDB và các ban, ngành của các địa bàn có lâm phần đơn vị quản lý trong việc thực hiện công tác BVR&PCCCR; chủ động tuần tra, kiểm tra rừng để phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm trong hoạt động lâm nghiệp trên lâm phần quản lý.

II. Tồn tại, hạn chế:

1. Về lĩnh vực hồ sơ phục vụ công tác QLBV, PCCCR, SDR, PTR

Công tác đầu tư cho hoạt động trồng rừng, phát triển rừng: Đối với Bảng kê lô cây giống lâm nghiệp trong các hợp đồng mua bán cây giống lập không đúng theo mẫu số 04/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP, ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

3. Về kiểm tra, xác minh hiện trường thực hiện việc trồng rừng, chăm sóc rừng và phòng cháy chữa cháy rừng:

Tại thời điểm kiểm tra đối với rừng trồng trên địa bàn huyện: (i) Đắk Tô, Sa Thầy chưa có hệ thống bảng biển cảnh báo phòng cháy, cấp dự báo, bản quy ước BVR, chòi canh lửa tạm thời, bảng tuyên truyền cố định; (ii) huyện Tu Mơ Rông chưa có hệ thống bảng biển cảnh báo phòng cháy, cấp dự báo, bản quy ước BVR, bảng tuyên truyền cố định theo Phương án PCCCR mùa khô 2021 - 2022 được phê duyệt.

Phần thứ ba KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kiến nghị:

I. Giao Giám đốc Dự án Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum có trách nhiệm:

1. Tổ chức cuộc họp cơ quan:

- Thông qua kết luận thanh tra;
- Nghiêm túc tổ chức họp rút kinh nghiệm đối với tổ chức, cá nhân có liên quan để xây ra những tồn tại nêu trên.

2. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn:

- Đối với Bảng kê lô cây giống lâm nghiệp trong các hợp đồng mua bán cây giống đề nghị Công ty lập đúng theo mẫu số 04/LN Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 27/2021/NĐ-CP, ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.
- Bổ sung các công trình PCCCR tại các hiện trường rừng trồng theo Phương án Phòng cháy, chữa cháy rừng được phê duyệt hàng năm, để đảm bảo công tác PCCCR mùa khô theo Phương án đã được phê duyệt.

Đơn vị có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trên, phải hoàn thành chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày công bố kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện (*Kèm theo các tài liệu chứng minh đã khắc phục theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ*) về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum (*qua Thanh tra Sở*) bằng văn bản và qua địa chỉ Email: thanhttrasnkt@gmail.com để theo dõi, tổng hợp. Kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra đã ký, đơn vị hoặc cá nhân có liên quan cho rằng kết luận này có một hoặc một số nội dung không đúng làm thiệt hại đến quyền lợi của tập thể hoặc cá nhân thì có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật. Nếu quá thời gian theo quy định của pháp luật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum sẽ không giải quyết.

Trong quá trình khiếu nại (*nếu có*); đơn vị, tổ chức, cá nhân vẫn phải thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung, thời gian nêu trên.

Đơn vị có trách nhiệm niêm yết công khai Kết luận thanh tra khi được ban hành tại trụ sở làm việc của Đơn vị mình trong thời gian 15 ngày liên tục theo quy định của Pháp luật về thanh tra.

II. Giao Thanh tra Sở:

Có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nội dung nêu trên của Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum../.

Nơi nhận:

- Ban Nội Chính Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thanh tra tỉnh (biết);
- Ban Giám đốc Sở;
- Chi cục Kiểm lâm (biết);
- Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum (thực hiện);
- Trang TTĐT của Sở;
- Lưu: VT, HSTTra, TTra.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Liêm